= mục cần điền = ký tay BẢN MẪU – THÔNG TIN GIẢ

Đơn đăng ký nhận trợ cấp lương hưu trọn gói (Trợ cấp quốc dân/Bảo hiểm trợ cấp phúc lợi xã hội)

脱退一時金請求書（国民年金／厚生年金保険）

Cột dành cho Cơ quan trợ cấp lương hưu Nhật Bản
受付番号 （日本年金機構記入欄）

※Vui lòng điền bằng chữ cái in hoa La-tinh rõ ràng. Chỉ điền trong khung viền đậm.
※記入は判読可能なアルファベット大文字でお願いします。太枠内のみ記入してください。

1. Ngày điền 記入日

2026 Năm 年／ 04 Tháng 月／ 10 Ngày 日

2. Chữ ký (Bắt buộc phải điền) 署名（必ず記入してください。）

Tôi xác nhận rằng ngay cả khi cộng thời gian tham gia bảo hiểm lao động của quốc gia đã ký kết hiệp định tổng hợp thời gian hưu trí với Nhật Bản và thời gian đối tượng tổng cộng thì thời gian đủ điều kiện nhận lương hưu của tôi vẫn dưới 120 tháng (10 năm).
Tôi cũng hiểu rằng việc nhận trợ cấp bảo hiểm lương hưu trọn gói khi về nước sẽ khiến toàn bộ thời gian tham gia bảo hiểm lao động tại Nhật Bản trước đó của tôi bị xóa bỏ và quyết định yêu cầu hoàn trả tiền
私は日本と年金通算の協定を締結している相手国の年金制度に加入していた期間や合算対象期間を含めても受給資格期間が 120 月（10 年）未満であり、脱退一時金の支給を受けることで、請求する以前の日本の年金に加入していた期間がすべてなくなることを理解した上で請求します。

Chữ ký (ký tên) của người yêu cầu 請求者本人の署名（サイン）

3. Tình trạng có vĩnh trú hay không (Ngày được cấp phép) 永住許可の有無（許可日）

Vui lòng trả lời về tình trạng có vĩnh trú hay không. Nếu đã được cấp phép thường trú, vui lòng điền cả ngày tháng được cấp phép vĩnh trú (※).
※Lưu ý: Đây không phải là ngày hết hạn của thẻ cư trú.
永住許可の有無について回答してください。また、永住許可を受けている場合は、永住許可日(※)も併せて記入してください。
※在留カードの有効期限ではありませんのでご注意ください。

☑ No いいえ ☐ Yes はい Ngày được cấp phép thường trú 永住許可日 (Năm 年 Tháng 月 Ngày 日)

4. Họ tên, ngày tháng năm sinh của người yêu cầu và địa chỉ sau khi rời khỏi Nhật Bản
請求者氏名、生年月日及び離日後の住所

Họ và tên 氏 名	NGUYEN VAN A											
Ngày tháng năm sinh 生年月日	1	9	9	6	Năm 年	0	1	Tháng 月	0	1	Ngày 日	Quốc tịch 国籍 VIET NAM
Địa chỉ sau khi rời khỏi Nhật Bản 離日後の住所												
Số nhà, đường, số phòng, thông tin khác 番地、通り、部屋番号、その他	SO 1 DUONG ABC, PHUONG XYZ											
Thành phố 都市	HO CHI MINH											
Bang/Tỉnh 州/省	HO CHI MINH											
Mã bưu điện 郵便番号	700000											
Quốc gia 国	VIET NAM											◆

Vui lòng điền cả trang sau.

次頁も必ず記入してください。

= mục cần điền = ký tay BẢN MẪU – THÔNG TIN GIẢ

5. Tài khoản nhận tiền trợ cấp bảo hiểm lương hưu trọn gói khi về nước 脱退一時金受取口座

Cột dành cho tổ chức lương hưu Nhật Bản 日本年金機構記入欄	1	3	金融機関コード					支店コード				預金種別	1

Mã SWIFT (BIC) (11 ký tự) SWIFT (BIC) コード（11 桁）	A B C D V N V X X X X
Tên ngân hang 銀行名	ABC BANK
Tên chi nhánh 支店名	XYZ BRANCH
Địa chỉ chi nhánh (Nếu không có chi nhánh, hãy ghi địa chỉ của trụ sở chính) 支店の所在地 （支店がない場合は本店の所在地）	SO 1 DUONG ABC, QUAN 1
Trong các địa chỉ trên, hãy điền "Thành phố" và "Quốc gia" vào cột bên phải. 上記の所在地のうち、「都市」、「国」を右欄に記入してください。	Thành phố 都市 HO CHI MINH Quốc gia 国 VIET NAM ◆
Số tài khoản/Mã IBAN 口座番号 / IBAN コード	0123456789
Tên tài khoản chính chủ của người yêu cầu 請求者本人の口座名義	Chữ cái La-tinh (Romaji) ローマ字 NGUYEN VAN A Chữ Katakana (Chỉ ghi khi chỉ định chi nhánh ngân hàng tại Nhật Bản) カタカナ（日本国内の支店を指定した際のみ記載）

6. Thông tin được ghi trên thông báo số lương hưu cơ bản hoặc sổ lương hưu, v.v.

基礎年金番号通知書または年金手帳等の記載事項

Số lương hưu cơ bản 基礎年金番号	1	2	3	4	—	5	6	7	8	9	0
Ký hiệu và số hiệu của từng chế độ 各制度の記号番号					—						

Cột dành cho tổ chức lương hưu Nhật Bản （日本年金機構　記入欄）	日本年金機構 決定印	日本年金機構 受付印
加入制度 厚年 船員 国年 / 国共 地共 私学　チェック 1　チェック 2　チェック 3　チェック 4 （送金先国）（課税△/非 0）（本人請求△/他 2）（日独非対象者△/対象者 01）		

（入力回付年月日）

Vui lòng điền cả trang sau.

次頁も必ず記入してください。

7. Lịch sử (Quá trình tham gia chế độ lương hưu chung) 履歴（公的年金制度加入経過）

Vui lòng điền các khoảng thời gian mà bạn đã tham gia vào chế độ lương hưu chung (Bảo hiểm lương hưu phúc lợi, lương hưu quốc dân, bảo hiểm thuyền viên, hiệp hội tương trợ).

公的年金制度（厚生年金保険、国民年金、船員保険、共済組合）加入していた期間を記入してください。

※Vui lòng điền càng chi tiết và chính xác càng tốt. できるだけくわしく、正確に記入してください。

(1) Tên cơ sở kinh doanh (chủ sở hữu tàu) và tên tàu nếu bạn từng là thuyền viên 事業所（船舶所有者）の名称及び船員であったときはその船舶名	(2) Địa chỉ của cơ sở kinh doanh (chủ sở hữu tàu) hoặc địa chỉ khi tham gia bảo hiểm lương hưu quốc dân 事業所（船舶所有者）の所在地または国民年金加入時の住所	(3) Thời gian làm việc hoặc thời gian tham gia bảo hiểm lương hưu quốc dân 勤務期間または国民年金の加入期間	(4) Loại hình chế độ lương hưu đã tham gia 加入していた年金制度の種類
ABC CO., LTD.	TOKYO-TO SHINJUKU-KU 0-0-0	Năm 年/Tháng 月/Ngày 日 Từ 2021/04/01 から đến 2023/03/31 まで	1.Bảo hiểm quốc dân 国民年金 2.Bảo hiểm lao động xã hội 厚生年金保険 3.Bảo hiểm hàng hải 船員保険 4.Hiệp hội hỗ tương 共済組合
XYZ CO., LTD.	TOKYO-TO MINATO-KU 0-0-0	Năm 年/Tháng 月/Ngày 日 Từ 2023/04/01 から đến 2026/03/31 まで	1.Bảo hiểm quốc dân 国民年金 2.Bảo hiểm lao động xã hội 厚生年金保険 3.Bảo hiểm hàng hải 船員保険 4.Hiệp hội hỗ tương 共済組合
		Năm 年/Tháng 月/Ngày 日 Từ から đến まで	1.Bảo hiểm quốc dân 国民年金 2.Bảo hiểm lao động xã hội 厚生年金保険 3.Bảo hiểm hàng hải 船員保険 4.Hiệp hội hỗ tương 共済組合
		Năm 年/Tháng 月/Ngày 日 Từ から đến まで	1.Bảo hiểm quốc dân 国民年金 2.Bảo hiểm lao động xã hội 厚生年金保険 3.Bảo hiểm hàng hải 船員保険 4.Hiệp hội hỗ tương 共済組合

(Lưu ý) Thời gian tham gia bảo hiểm lương hưu quốc dân, chỉ cần ghi địa chỉ nơi bạn sinh sống.

（注）国民年金に加入していた期間は、住んでいた住所のみを記入してください。

Chúng tôi cần bạn cung cấp các hồ sơ sau :

Tài liệu đính kèm (Nếu thiếu các tài liệu từ ① đến ④, chúng tôi sẽ trả lại đơn yêu cầu, vì vậy xin bạn vui lòng kiểm tra kỹ để tránh thiếu sót khi gửi.)

添付書類（①～④の書類等が添付されていない場合は、請求書をお返しすることになりますので添付もれのないようお願いします。）

① Bản sao Passport (hộ chiếu) (Trang có ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, chữ ký và tư cách lưu trú.)
パスポート（旅券）の写し（氏名、生年月日、国籍、署名及び在留資格が確認できるページ）

② Tài liệu chứng minh rằng bạn không còn địa chỉ tại Nhật Bản (Ví dụ: bản sao giấy chứng nhận xóa hộ khẩu.)
日本国内に住所を有しなくなったことが確認できる書類（住民票の除票の写し等）
◎Nếu khi rời Nhật Bản, bạn đã nộp thông báo thuyên chuyển ra khỏi Nhật tại cơ quan hành chính thành phố nơi bạn cư trú, thông tin xóa khỏi sổ hộ khẩu sẽ xác nhận rằng bạn không còn địa chỉ tại Nhật Bản nên bạn không cần đính kèm tài liệu này..
◎出国前にお住まいの市区町村で転出届を提出した場合には、住民票の削除情報から、日本国内に住所を有しないことを確認できますので、本書類の添付は不要です。

③ Vui lòng đính kèm các giấy tờ có thể xác nhận được "Tên ngân hàng", "Tên chi nhánh", "Địa chỉ chi nhánh", "Số tài khoản" và "Tên tài khoản chính chủ của người yêu cầu" (chẳng hạn như giấy chứng nhận do ngân hàng cấp). Lưu ý, trường hợp nhận tiền qua chi nhánh tại Nhật Bản, tên chủ tài khoản bắt buộc phải được đăng ký bằng Katakana.
※Không thể nhận tiền trợ cấp lương hưu trọn gói khi về nước qua ngân hàng Yucho được.
「銀行名」、「支店名」、「支店の所在地」、「口座番号」及び「請求者本人の口座名義」であることが確認できる書類を添付してください（銀行が発行した証明書等）。なお、日本国内の支店で受け取る場合は、口座名義がカタカナで登録されていることが必要です。
※ゆうちょ銀行では脱退一時金を受け取ることができません。

④ Tài liệu có thể xác nhận được số bảo hiểm lương hưu cơ bản (Ví dụ: Thông báo số bảo hiểm hưu trí cơ bản hoặc sổ tay bảo hiểm hưu trí.)
基礎年金番号通知書または年金手帳等の基礎年金番号を明らかにすることができる書類